

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 34/2021/HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Hoàng Văn Khảm.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:136/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Doãn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 8 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Doãn T kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 26/10/2005. Trước khi kết hôn cả hai người đều được tự do tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới chị về làm dâu nhà anh T ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời có quan hệ bất chính với người đàn bà khác, không quan tâm gì đến vợ con. Khi phát hiện ra, chị có khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi thậm trí còn chửi

bó�, đánh đập chị nên mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn lại được. Mặc dù, vợ chồng sống chung cùng trong một nhà nhưng thực tế sống ly thân với nhau từ lâu, tháng 8/2021 chị về nhà bố mẹ đẻ sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Bị đơn là anh Doãn T, quá trình giải quyết vụ án, trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra, anh T xác định như lời trình bày trên của chị Hảo là đúng. Anh thừa nhận, mặc dù vợ chồng sống chung một nhà nhưng thực chất là sống ly thân nhau từ khoảng đầu năm 2019 cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả anh và chị đều không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh vẫn muốn xin đoàn tụ nhưng chị H kiên quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh T đều xác định, vợ chồng có 02 con chung là cháu Doãn Bá B, sinh ngày 05/7/2006 và cháu Doãn Thị N, sinh ngày 03/9/2014. Tại phiên tòa chị H xác định, hiện nay cả hai con đều đang ở cùng với chị. Ly hôn, cả chị H và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Nguyện vọng của hai con chị H anh T đều xin được ở với mẹ.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nên Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H và cho chị H được ly hôn với anh Doãn T.

Về con chung: Giao cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Doãn Thị N, sinh ngày 03/9/2014. Giao cho anh

Doãn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Doãn Bá B, sinh ngày 05/7/2006, cho đến khi các con thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị Hào và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Doãn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Doãn T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị H xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, còn anh T xét thấy tình cảm vẫn còn và vẫn có thể hàn gắn lại được nên anh xin đoàn tụ nhưng khi thấy chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Căn cứ vào lời trình bày của chị H, anh T và bà Thanh là mẹ của anh T. Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc cho nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị H và anh T đều thừa nhận. Trong cuộc sống hàng ngày, anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Tuấn có quan hệ bất chính với người đàn bà khác dẫn đến vợ chồng sống mất niềm tin, thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì không ai tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm mà chọn cách

sống ly thân với nhau ngay cả lúc cùng sống chung trong một mái nhà. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh T đều không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Anh T xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn, khi chị H kiên quyết xin ly hôn thì đồng ý. Điều đó chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T đều xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là cháu Doãn Bá B, sinh ngày 05/7/2006 và cháu Doãn Thị N, sinh ngày 03/9/2014. Tại phiên tòa chị H xác định, hiện cả 02 con đang ở cùng với chị. Ly hôn, nguyện vọng của chị H và anh Tuấn đều xin được nuôi cả 02 con, nguyện vọng của các con anh chị thì xin được ở với mẹ.

Xét về điều kiện tài chính cũng như điều kiện sống của chị H và anh T đều đủ khả năng để nuôi dưỡng các con, nguyện vọng của các con xin được ở với mẹ là chính đáng, mặt khác việc nuôi dạy các con là quyền và nghĩa vụ cả của cha và mẹ. Tuy nhiên, nếu một người nuôi cả 02 con sẽ không phù hợp với quy định của pháp luật và không đảm bảo được cuộc sống của bố hoặc mẹ và các con, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của các bên. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Ánh cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Hảo cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Doãn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Doãn Thị N, sinh ngày 03/9/2014 cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Doãn Bá B, sinh ngày 05/7/2006 cho anh Doãn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các con thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001549 ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận, chị H đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đại Tự;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh